

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025;

Xét Tờ trình số 3520/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 1019/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 như sau:

“Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An áp dụng đối với các sản phẩm trong Danh mục các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tỉnh Long An đã được UBND tỉnh phê duyệt, gồm: Cây lúa, cây thanh long, cây rau, cây chanh, cây mít, cây xoài, cây sầu riêng, cây mai, con gia cầm, con bò thịt, con cá tra và con tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng).”

2. Bổ sung tiết a điểm 3.5 khoản 3 Điều 1 như sau:

“- Cây mít: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 15 triệu đồng/ha; Hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 2.100 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Cây xoài: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 10 triệu đồng/ha; Hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 24 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 1.600 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Cây sầu riêng: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 9 triệu đồng/ha; Hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 05 năm, mức hỗ trợ không quá 24 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 2.600 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

- Cây mai: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 07 triệu đồng/ha; Hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 26 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 1.700 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:

“4.1. Điều kiện để được hỗ trợ: Các bên tham gia liên kết để được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4.2. Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện

a) Đối với nội dung chi và mức chi tại điểm 3.1, điểm 3.5, điểm 3.6 khoản 3 Điều 1 thì sử dụng nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình dự án hợp pháp khác.

b) Đối với nội dung chi và mức chi tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 1 thì sử dụng nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình dự án hợp pháp khác.

c) Đối với nội dung chi và mức chi tại điểm 3.3, điểm 3.4 khoản 3 Điều 1 thì sử dụng nguồn của các chương trình, dự án về khuyến nông; chương trình đào

tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

d) Thời gian thực hiện: Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An thực hiện trong giai đoạn 2020 - 2025.”

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này là một bộ phận không thể tách rời của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An; đồng thời, bãi bỏ Văn bản số 532/HĐND-TH ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đình chính Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 8 (kỳ họp lẻ cuối năm 2022) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VP.CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBND TQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các phòng trực thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TrT). (13)



CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Đước

